

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 183/2022/DS-PT
Ngày 18 – 7 – 2022
V/v yêu cầu chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Út

Bà Châu Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bằng—Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh— Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 179/2020/TLPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp yêu cầu chia thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2021/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 19/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1988.

Cư trú tại: Ấp B, xã V, huyện N., tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1971

Cư trú tại: Khóm 7, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M1, sinh năm 1953.

Cư trú tại: Ấp B, xã V, huyện N., tỉnh Cà Mau

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Nguyễn Thị N2, sinh năm 1991.

Cư trú tại: Ấp B, xã V, huyện N., tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1971

Cư trú tại: Khóm 7, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

2/ Ban Quản lý rừng phòng hộ Nhưng Miên – Đại diện theo pháp luật ông Lâm Ngọc K – Trưởng ban.

Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện N, tỉnh C ..

3/ Ông Võ Minh B1, sinh năm 1975.

Cư trú tại: Khóm 3, thị t, huyện C, tỉnh C ..

4/ Bà Võ Thị Th.

Cư trú tại: Ấp Ô, xã K, huyện T, tỉnh C ..

5/ Bà Nguyễn Thu H1, sinh năm 1955.

Cư trú tại: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh C ..

6/ Ông Trần Văn T3, sinh năm 1978.

Cư trú tại Ấp B, xã V, huyện N ..

7/ Bà Phan Thu Hương (Phan Thị H2, sinh năm 1960.

Cư trú tại Ấp B, xã V, huyện N ..

8/ Ông Nguyễn Văn B2, sinh năm 1976.

Cư trú tại: Ấp B, xã V, huyện N ..

9/ Bà Nguyễn Kim T4.

Cư trú tại: Ấp B, xã V, huyện N ..

10/ Bà Lê Hồng Y.

Cư trú tại: Ấp B, xã V, huyện N ..

11/ Bà Dư Mỹ D.

Cư trú tại: Ấp Biện Nhạn, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn M1 là bị đơn vụ án.

(Ông M1, ông T1 có mặt, các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 8 năm 2019 và lời trình bày của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M1 và bà Võ Thị Hồng (Chết năm 2015) là vợ chồng. Ông, bà có hai người con Nguyễn Thị N1 và Nguyễn Thị N2. Hiện nay Nhí đã có gia đình hộ khẩu riêng, còn Nhi sống chung với ông M1. Trong quá trình sống chung ông bà có tạo ra một số tài sản như sau:

Một phần đất Lâm nghiệp nuôi trồng thủy sản diện tích 5,7ha, tại ấp Bàn Quỳ, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau giá trị 1.350.000.000 đồng. Nhí yêu cầu chia một phần bằng giá trị tiền 285.000.000 đồng.

Một căn nhà gắn liền với đất, diện tích đất 64,3m² tại Khóm 1, thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau giá trị 800.000.000 đồng. Yêu cầu được chia một phần bằng giá trị tiền 133.000.000 đồng.

Một phần đất diện tích 242m² tọa lạc tại khóm 6, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau trong khu giải tỏa, giá trị đền bù của nhà nước là 87.450.000 đồng. Yêu cầu được chia 14.575.000 đồng.

Phần tài sản là vàng gồm 12 chỉ vàng 24k và 11 chỉ vàng 18k (hiện nay ông M1 đang quản lý) trị giá 122.000.000 đồng. Yêu cầu được chia một phần bằng giá trị tiền là 20.350.000 đồng.

Năm 2017 ông M1 có cho vợ chồng chị một phần đất nuôi trồng thủy sản để vợ chồng sản xuất riêng. Phần đất có diện tích khoảng 3,2ha (do cha con trong nhà nên chưa làm thủ tục sang tên, cùng chung trong diện tích đất 5,7ha). Tôi bao bờ vuông, đào đắp cải tạo thành vuông riêng, tăng giá trị phần đất mà cha tôi cho tôi.

Các tài sản trên có phần công sức đóng góp của mẹ và chúng tôi. Bà Hồng chết không để lại di chúc, nên yêu cầu phân chia tài sản thừa kế cho tôi cụ thể như sau: Tổng số tiền tôi yêu cầu phân chia, tôi được nhận: 471.350.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi một triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng). Tôi yêu cầu được nhận phần đất nuôi trồng thủy sản, hiện nay tôi đang quản lý và bù trừ nghĩa vụ lại cho cha tôi.

Bị đơn ông Nguyễn Văn M1 trình bày: Ông không đồng ý chia di sản thừa kế cho chị N1 với số tiền 471.350.000 đồng vì lý do hiện nay ông không có điều kiện về kinh tế để giao lại cho chị N1 số tiền trên. Tài sản chung của vợ, chồng ông gồm có: 01 phần đất nuôi trồng thủy sản 5,7ha giao khoán cho hộ gia đình, ông đại diện hộ gia đình đứng tên. Giá trị phần đất thống nhất 1.350.000.000 đồng. Một căn nhà và đất tại khóm 1, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau thống nhất giá trị 800.000.000 đồng. Một phần đất tại khóm 6, phường 6, thành phố Cà Mau hiện nay nhà nước đã quy hoạch giải tỏa bồi thường 87.450.000 đồng thống nhất giá trị phần đất 87.450.000 đồng. Đối với số vàng hiện nay ông đang quản lý gồm 12 chỉ vàng 24k, 11 chỉ vàng 18k thống nhất theo giá trị thị trường.

Đối với phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 5,7ha ông đã khoanh lại thành 02 mảnh. Nhí quản lý sử dụng từ trước đến nay với diện tích khoảng 3,2ha tuy nhiên ông chưa chuyển tên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị N2 yêu cầu: Chia di sản thừa kế theo kỹ phần theo đúng như yêu cầu của nguyên đơn chị, yêu cầu được cùng Nhí nhận phần đất Lâm nghiệp nuôi trồng thủy sản hiện nay chị N1 đang quản lý và bù trừ nghĩa vụ lại cho ông M1.

Ông Nguyễn Văn M1 trình bày bổ sung: Đối với phần đất mua tại khóm 3 thị trấn Cái Nước của ông Võ Việt Bắc giá trị 200.000.000 đồng năm 2012 không có làm giấy tờ. Hiện nay phần đất này ông Võ Việt Bắc đang quản lý. Việc sang bán chuyển nhượng như thế nào ông B1 và chị N1 thực hiện, ông không biết. Hiện nay phần đất này ông Võ Việt Bắc đang đứng tên.

Ông có cho bà Nguyễn Thu H1 (chị ruột ông M1) mượn 15 chỉ vàng 24k, cho bà Võ Thu Th (em vợ ông M1) mượn 04 chỉ vàng 24k,

Cho ông Trần Văn T3 mượn 02 chỉ vàng 24k,

Cho bà Phan Thu Hương mượn 01 chỉ vàng 24k,

Cho bà Nguyễn Kim T4 (em dâu ông M1) mượn 01 chỉ vàng 24k

Đối với hụi của bà Dư Mỹ D tôi không nhớ rõ số tiền, yêu cầu làm việc để xác định lại số tiền. Lúc tôi đưa vợ tôi bà Hồng đi trị bệnh có đưa cho Nhí cất 70 chỉ vàng 24k, khi vợ tôi qua đời làm đám xong tôi có hỏi thì Nhí nói đã sai hết không còn. Đối với phần đất tại khóm 6, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau hiện nay đã giải tỏa đền bù ông xác định lại giá trị 87.450.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 10 tháng 11 năm 2020 chị Nguyễn Thị N1 xác định: Vẫn bảo lưu ý kiến như đã trình bày trước đây và xác định: Đối với phần đất tọa lạc tại khóm 3 thị trấn Cái Nước hiện nay trước đây mua của ông Võ Việt Bắc (Võ Minh B1, cậu chị N1). Mua từ nguồn tiền của chị được cho khi đám cưới và vợ chồng chị tích góp được. Việc mua bán do mẹ tôi bà Hồng đứng ra mua của ông B1. Việc mua bán chưa làm thủ tục chuyển tên sau đó phần đất này thuộc hành lan lộ giới dự kiến mở rộng ảnh hưởng đến phần đất nên mẹ tôi yêu cầu cậu tôi ông B1 trả lại tiền. Ông B1 đã trả lại cho mẹ tôi 200.000.000 đồng, mẹ tôi đã nhận số tiền trên do tôi sống chung với cha mẹ, xem như chưa có việc mua bán. Đối với số vàng 15 chỉ vàng 24k cho bà Nguyễn Thu H1 mượn ông M1 cho rằng tôi đã lấy, tôi xác định không biết và không có lấy số vàng này. Đối với số vàng 04 chỉ vàng 24k cho bà Võ Thu Th mượn, 02 chỉ vàng 24 k cho ông Trần Văn T3 mượn, 02 chỉ vàng 24k cho bà Phan Thu Hương mượn, 01 chỉ vàng 24k cho ông Nguyễn Văn B2 mượn, 01 chỉ vàng 24k cho bà Nguyễn Kim T4 mượn chị xác định không biết và không có lấy tiêu sai. Đối với hụi của bà Dư Mỹ D mẹ tôi đã hốt khoảng 50.000.000 đồng sử dụng vào điều trị bệnh cho mẹ tôi, theo tôi biết đã sử dụng hết và hiện nay hụi đã mất. Đối với số vàng 70 chỉ vàng 24k ông M1 cha tôi nói mẹ tôi bà Hồng đưa cho tôi thì tôi xác định là không có.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị N2 trình bày: Đối với phần đất tọa lạc tại khóm 3 thị trấn Cái Nước hiện nay trước đây mua của ông Võ Việt Bắc (Võ Minh B1, cậu ruột của tôi và chị N1). Mua từ nguồn tiền của chị N1 có khi đám cưới và vợ chồng chị N1 tích góp được. Việc mua bán do mẹ tôi bà Hồng đứng ra mua của ông B1. Việc mua bán chưa làm thủ tục chuyển tên sau đó phần đất này thuộc hành lan lộ giới dự kiến mở rộng ảnh hưởng đến phần đất nên mẹ tôi yêu cầu cậu tôi ông B1 trả lại tiền. Ông B1 đã trả lại cho mẹ tôi 200.000.000 đồng, mẹ tôi đã nhận số tiền trên do chị N1 sống chung với cha mẹ. Đối với số vàng 15 chỉ vàng 24k cho bà Nguyễn Thu H1 mượn đây là số vàng của tôi (Nhị) tích góp được, hiện nay tôi đã lấy lại. Đối với số vàng 04 chỉ vàng 24k cho bà Võ Thu Th mượn tôi không biết và tôi không có lấy số vàng này. Đối với số vàng 02 chỉ vàng 24k cho ông Trần Văn T3 mượn lúc mẹ tôi còn sống ông T3 đã trả lại cho mẹ tôi. Đối với 02 chỉ vàng 24k cho bà Phan Thu Hương mượn đã trả lại cho mẹ tôi lúc mẹ tôi bệnh. Đối với 01 chỉ vàng 24k cho ông Nguyễn Văn B2 mượn tôi

không biết và không có lấy tiêu sai. Đối với 01 chỉ vàng 24k cho chị Nguyễn Kim T4 mượn theo tôi biết khi mẹ tôi mất cha tôi đòi lại và bà T4 đã trả rồi. Đối với phần hui của bà Lê Hồng Y tôi không biết, không có hốt phần hui này. Đối với hui của bà Dư Mỹ D mẹ tôi bà Hồng đứng ra hốt, số tiền theo tôi biết khoản 50.000.000 đồng, sau đó sử dụng vào điều trị bệnh cho mẹ tôi đã hết, theo tôi biết hiện nay hui đã mất. Đối với số vàng 70 chỉ vàng 24k ông M1 cha tôi nói mẹ tôi bà Hồng đưa cho chị N1 theo tôi biết thì không có đưa cho chị N1, chị cũng không nghe nói đến.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019 Ban quản lý rừng phòng hộ Nhưng M có công văn số 35/BQLNM ngày 27 tháng 9 năm 2019 thể hiện ý kiến như sau: Hiện nay hộ ông Nguyễn Văn M1 hiện đang quản lý canh tác phần đất Lâm nghiệp tại thửa số 10 +11 khoảnh 21 tiểu khu 206; tổng diện tích là 70.717,7m². Hiện nay phần đất này gia đình ông tự chia cắt thành hai phần, có công sổ riêng biệt chưa được sự chấp thuận của đơn vị. Năm 2014 thực hiện việc giao đất giao rừng theo Nghị định 135/2005/NĐ – CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 thì hộ gia đình ông được cấp sổ hợp đồng giao khoán đất Lâm nghiệp số:131/2014/HĐ – RSX ngày 14/8/2014. Qua ra soát thì hợp đồng số 131/2014/HĐ – RSX ngày 14/8/2014 cấp không đúng phần đất hộ gia đình ông Nguyễn Văn M1 hiện đang quản lý, canh tác.

Nguyên nhân: Năm 2013 trích lục từ Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở tài nguyên môi trường tỉnh Cà Mau trích lục sai. Hiện nay đơn vị đang chờ giao đất giao rừng theo Nghị định 168/2016/NĐ – CP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về khoán, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý rừng đặt dựng, rừng phòng hộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà Nước. Đơn vị sẽ trích lục lại đúng thửa đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn M1 để cấp lại hợp đồng cho ông. Nếu phần đất trên có tranh chấp thì phải đo đạc lại.

Ban quản lý rừng phòng hộ Nhưng M xin vâng mặt.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021 ông Võ Minh B1 có đơn đề nghị vâng mặt thể hiện: Trước đây chị Nguyễn Thị N1 có mua 01 phần đất của tôi do lâu quá không nhớ rõ năm nào. Phần đất hiện nay tại khóm 3, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước với giá 200.000.000 đồng từ nguồn tiền của vợ chồng chị N1 tích góp được. Việc mua bán có ông M1 và bà Hồng đứng ra mua bán phần đất, do lâu quá nhớ không rõ chiều ngang khoảng 4,5m chiều dài khoảng 9m đã trừ mốc lộ giới. Việc sang bán chưa làm thủ tục sang bán chuyển nhượng tên, sau đó phần đất này thuộc hành lang lộ giới mở rộng ảnh hưởng đến phần đất nên bà Hồng (chị ruột tôi) trao đổi với tôi trả lại phần đất và nhận lại 200.000.000 đồng. Do việc sang bán chỉ mới nói miệng với nhau, chưa làm thủ tục nên sau đó khoản 4 tháng từ khi mua bán tôi đã trả lại số tiền 200.000.000 đồng cho bà Hồng do thời điểm đó chị N1 sống chung với bà Hồng. Đối với việc sang bán, tiền bạc hiện nay tôi không còn dính dáng, liên quan gì. Do điều kiện công việc nên tôi không tham gia được trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án được nên xin vâng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tôi không thất mắc hay khiếu nại gì về sự vắng mặt của mình, tôi bảo lưu ý kiến như đã trình bày.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021 nguyên đơn chị Nguyễn Thị N1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Nhi có đơn xin vắng mặt thể hiện: Chị Nguyễn Thị N1: Vẫn bảo lưu ý kiến, yêu cầu như đã trình bày. Đối với chi phí đo đạc chị tự nguyện chịu. Chị Nguyễn Thị N2 xác định: Vẫn bảo lưu ý kiến, yêu cầu như đã trình bày xác định đối với kỹ phần chị yêu cầu chia di sản thừa kế chị tự nguyện cho lại chị Nguyễn Thị N1 nếu chị được chia. Hiện nay vì điều kiện công việc nên đề nghị Tòa án được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, vẫn bảo lưu yêu cầu ý kiến đã trình bày và không khiếu nại về việc vắng mặt của mình.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 19 /2021/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N1 và yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị N2 về việc chia di sản thừa kế.

Công nhận sự tự nguyện tặng cho kỹ phần thừa kế tài sản là quyền quản lý, sử dụng đất Lâm nghiệp nuôi trồng thủy sản của chị Nguyễn Thị N2 đối với chị Nguyễn Thị N1.

Chia cho chị Nguyễn Thị N1 quản lý, sử dụng một phần đất có diện tích 42.649,3m² theo hiện trạng thực tế tại ấp Bàn Quỳ, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển (có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc kèm theo) hiện nay chị N1 đang quản lý, sử dụng.

Chia cho ông Nguyễn Văn M1 số tiền 87.530.000 đồng; 01 căn nhà và đất diện tích 64,3m² tại khóm 1, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước hiện nay ông M1 đang quản lý, sử dụng; một phần đất Lâm nghiệp nuôi trồng thủy sản với tổng diện tích 28.228,9m² có 01 cống sổ vuông gắn liền trên đất theo hiện trạng thực tế (có sơ đồ đo đạc, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ kèm theo) tại ấp Bàn Quỳ, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển hiện nay ông M1 đang quản lý, sử dụng; 12 chỉ vàng 24k và 11 chỉ vàng 18k ông M1 đang quản lý. Chị Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị N2 có trách nhiệm hoàn trả giá trị kỹ phần chia di sản thừa kế lại cho ông Nguyễn Văn M1 mỗi người với số tiền 16.192.000 đồng. Kể từ khi ông M1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị N2, chị N1 chậm trả khoản tiền trên cho ông M1 thì chị N2, chị N1 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về chi chi phí đo đạc: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N1 tự nguyện chịu chi phí đo đạc và hiện nay đã thực xong nên không phải nộp tiếp.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/5/2021, ông Nguyễn Văn M1 có đơn kháng cáo không đồng ý chia thừa kế, yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận chia thừa kế. Phần đất rừng ông yêu được nhận hết.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông M1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên toà: Nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn M1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn M1 yêu cầu được nhận toàn bộ phần đất do Ban quản lý rừng hợp đồng giao khoán cho ông M1. Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Nguyễn Văn M1 và bà Võ Thị Hồng là vợ chồng (Bà Hồng chết năm 2015). Ông, bà có hai người con Nguyễn Thị N1 và Nguyễn Thị N2. Hiện nay Nhí đã có gia đình hộ khẩu riêng, còn Nhi sống chung với ông M1, bà Hồng chết không để lại di chúc. Nay chị N1 và chị N2 yêu cầu chia thừa kế. Cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N1 và công nhận sự tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế tài sản là quyền quản lý, sử dụng đất Lâm nghiệp nuôi trồng thủy sản của chị Nguyễn Thị N2 cho lại chị Nguyễn Thị N1.

[2] Chia cho chị Nguyễn Thị N1 và chị Nguyễn Thị N2 quản lý, sử dụng một phần đất có diện tích 42.649,3m² theo hiện trạng thực tế tại ấp Bàn Quý, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển (có biên bản xen xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc kèm theo) hiện nay chị N1 đang quản lý, sử dụng.

Chia cho ông M1 một phần đất Lâm nghiệp nuôi trồng thủy sản với tổng diện tích 28.228,9m² (có sơ đồ đo đạc, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ kèm theo) tại ấp Bàn Quý, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển hiện nay ông M1 đang quản lý, sử dụng; Chia ông Nguyễn Văn M1 số tiền 87.530.000 đồng; 01 căn nhà và đất diện tích 64,3m² tại khóm 1, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước hiện nay ông M1 đang quản lý, sử dụng; 12 chỉ vàng 24k và 11 chỉ vàng 18k ông M1 đang quản lý. Chị Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị N2 có trách nhiệm hoàn trả giá trị kỷ phần chia di sản thừa kế lại cho ông Nguyễn Văn M1 mỗi người với số tiền 16.192.000 đồng.

[3] Căn cứ và các tài liệu thể hiện: Ông M1 thừa nhận khoản hơn 04 năm nay ông đã để cho chị N2, Nhí quản lý, sử dụng canh tác phần đất vuông lớn (theo đo đạc thực tế 42.649,3m²). Hai con muốn canh tác ông vẫn chấp nhận nhưng không chấp nhận sang tên cho hai con, tại phiên tòa sơ thẩm ông vẫn thừa nhận. Xét thấy Chị Nguyễn Thị N1 và Nguyễn Thị N2 đều có nguyện vọng mong muốn thờ phụng mẹ vì trên phần đất có phần mộ của bà Hồng và không vì mục đích sang bán, phần đất giữa hai bên có bờ bao cổng sổ vuông riêng biệt với phần đất của ông M1 đang canh tác quản lý sử dụng, hiện nay chị N1 và Nhi không có nơi ở nào khác, trên phần đất yêu cầu được nhận có phần mộ, nhà cửa. Hai chị N1 và Nhi

vẫn thờ cúng mẹ và nuôi dưỡng cha. Hiện nay chị N1, chị N2 thực tế đang thờ cúng bà Hồng và đang sinh sống trên phần đất này, canh tác cải tạo sử dụng nhiều năm qua. Xét về giá trị phần đất các đương sự thống nhất giá trị nên không tiến hành định giá. Đối với phần đất chị N2, chị N1 yêu cầu có diện tích 42.649,3m² tương ứng với giá trị 812.298.567 đồng trong khi tổng kỹ phần của chị N1 và chị N2 được phân chia là $389.956.670 \times 2 = 779.913.340$ đồng.

Đối với ông M1 được nhận số tiền đền bù giải phóng mặt bằng ở khóm 6, phường 6, thành phố Cà Mau số tiền 87.530.000 đồng; Nhà và đất tại khóm 1, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước; 01 phần đất nuôi trồng thủy sản với tổng diện tích 28.228,9m² (theo đo đạc thực tế); số vàng 12 chỉ vàng 24k và 11 chỉ vàng 18k ông đang quản lý và số tiền bù trừ nghĩa vụ di sản thừa kế. Do chị N1, chị N2 được được canh tác, khai thác và thụ hưởng thành quả trên đất rừng nuôi trồng thủy sản, nên giao lại cho ông M1 số tiền như sau: $812.298.567 - 779.913.340 = 32.385.000$ đồng, chị N1 và chị N2 mỗi người giao lại cho ông M1 số tiền 16.192.000đ.

[4] Quá trình làm việc với Ban quản lý rừng, theo hợp đồng giao khoán ông M1 được nhận khoán diện tích là 3,2 ha, thửa số 11. Song thực tế số thửa giao khoán cho ông M1 là chưa đúng và diện tích canh tác có chênh lệch thừa so với hợp đồng. Hiện nay chị N1 và chị N2 đang canh tác khai thác thành quả lao động diện tích 42.649,3m². Ông M1 canh tác, khai thác diện tích 28.228,9m². Đối hợp đồng giao khoán thì chưa phù hợp với số thửa, diện tích. Song các bên đã sử dụng canh tác khai thác trên đất thời gian dài. Về ý chí ông M1 cũng đã thống nhất giao cho chị N1, chị N2 phần đất trên từ khi bà Hồng còn sống. Cấp sơ thẩm chia quyền sử dụng như vậy là nhằm đảm bảo cho các bên điều có tư liệu sản xuất. Về nguyên tắc đất rừng không được chia tách thửa, nhưng các bên trong nội bộ gia đình đã tự tách là không đúng. Hiện nay cũng chưa có chủ trương ký lại hợp đồng giao khoán đối với việc tự tách thửa. Tại biên bản làm việc ngày 26/5/2022 với Ban Quản lý rừng xác định, đồng ý giữ nguyên hiện trạng cho chị N1 tiếp tục canh tác và hưởng thành quả lao động trên diện tích đất được hưởng là 42.649,3m². Xét về mặt ý chí trước đây ông M1 và bà Hồng cũng đã đồng ý cho chị N1. Bản thân chị N1, chị N2 cũng là thành viên trong hộ gia đình có hộ khẩu và sinh sống tại đây từ trước đến nay, vẫn được hưởng thành quả đầu tư trên đất giao khoán. Sau này có chủ trương tách thửa, cấp giấy sẽ xem xét, cho nên tiếp tục giữ nguyên hiện trạng phần đất của các đương sự đang khai thác sử dụng trên phần đất rừng như án sơ thẩm là phù hợp.

[5] Tại phiên tòa bị đơn ông M1 có đặt ra vấn đề yêu cầu nguyên đơn cất 01 căn nhà cho ông trên phần đất rừng nhưng không đặt ra số tiền là bao nhiêu, loại nhà thế nào. Xét thấy vấn đề này không nằm trong yêu cầu nội dung vụ giải quyết vụ án, nên giữ nguyên và bị đơn tự thỏa thuận giải quyết.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông M1 cũng không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào mới để chứng minh cho việc kháng cáo.

[6] Tuy nhiên về cách tuyên phân quyết định cấp sơ thẩm tuyên chia cho chị N1 và chị N2 được quản lý sử dụng diện tích 42.649,3m² là chưa phù hợp. Chị N1 và Chị N2 chỉ được quyền canh tác khai thác và thụ hưởng thành quả lao động trên phần đất, cho nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cách tuyên án cho phù hợp pháp luật.

[7] Từ phân tích trên, xét thấy án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N1, chị N2 về yêu cầu chia thừa kế và ghi nhận sự tự nguyện của chị N2 cho lại quyền thừa kế cho chị N1 và chịu chi phí đo đạc, định giá, án phí sơ thẩm là có căn cứ. Do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông M1, cần giữ nguyên án sơ thẩm.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm ông M1 được miễn dự nộp.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo ông Nguyễn Văn M1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 19/2021/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N1 và yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị N2 về việc chia di sản thừa kế.

2/ Công nhận sự tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế tài sản là quyền canh tác, khai thác và thụ hưởng thành quả lao động đất Lâm nghiệp nuôi trồng thủy sản của chị Nguyễn Thị N2 đối với chị Nguyễn Thị N1.

Giữ nguyên hiện trạng phần đất rừng theo diện tích đo đạc thực tế 70.770m² tại ấp Bàn Quý, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển (có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc kèm theo)

3/ Chị Nguyễn Thị N1 được quyền canh tác, khai thác và thụ hưởng thành quả lao động trên phần đất có diện tích 42.649,3m² theo hiện trạng thực tế tại ấp Bàn Quý, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển hiện nay chị N1 đang quản lý, sử dụng (có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc kèm theo).

4/ Ông Nguyễn Văn M1 được nhận số tiền 87.530.000 đồng; 01 căn nhà và đất diện tích 64,3m² tại khóm 1, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước hiện nay. Ông M1 được canh tác, khai thác, thụ hưởng thành quả lao động trên phần đất Lâm nghiệp nuôi trồng thủy sản với tổng diện tích 28.228,9m² có 01 cống sỏ vuông gắn liền trên đất theo hiện trạng thực tế (có sơ đồ đo đạc, biên bản xem xét thẩm định

tại chỗ kèm theo) tại ấp Bàn Quỳ, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển hiện nay ông M1 đang quản lý, sử dụng; 12 chỉ vàng 24k và 11 chỉ vàng 18k ông M1 đang quản lý. Chị Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị N2 mỗi người có trách nhiệm hoàn trả giá trị kỷ phần chia di sản thừa kế lại cho ông Nguyễn Văn M1 với số tiền 16.192.000 đồng.

Kể từ ngày ông M1 có đơn yêu cầu thi hành án, chị N1 và chị N2 chậm trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi với mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

5/ Về chi chi phí đo đạc: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N1 tự nguyện chịu, hiện nay đã thực xong, nên không phải nộp tiếp.

6/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn M1 thuộc trường hợp được miễn. Chị Nguyễn Thị N1, chị Nguyễn Thị N2 mỗi người phải chịu 19.497.800 đồng. Ngày 19 tháng 8 năm 2019, chị Nguyễn Thị N1 đã dự nộp số tiền 11.427.000 đồng (biên lai số 0005874) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được đối trừ. Chị Nguyễn Thị N1 phải nộp tiếp 8.070.800 đồng. Ngày 12 tháng 9 năm 2019 Chị Nguyễn Thị N2 đã dự nộp số tiền 11.427.000 đồng (biên lai số 0005896) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được đối trừ, chị Nguyễn Thị N2 phải nộp tiếp 8.070.800 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông M1 thuộc trường hợp được miễn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Hùng Quang